TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2020/DS-PT
Ngày: 27/10/2020
V/v: "Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**
Ông **Nguyễn Thanh Long**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/TBTL-TA ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị L- Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Văn A (*văn bản ủy quyền ngày 05/7/2018*) - Có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

**** Bị đơn*:** Chị Trần Thị P; cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Quốc L- Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định- Có mặt.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định; địa chỉ: 06 đường 28/3 thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Đ – Phó trưởng phòng T nguyên và Môi trường huyện H (*văn bản ủy quyền ngày 17/9/2020*)- Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/10/2020.

2. Văn phòng chứng H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Bá T – Trưởng văn phòng- Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/9/2020.

3. Ông Nguyễn T- Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị G- Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

5. Bà Bành Thị Ngọc S; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định- Có mặt.

6. Ông Bành Quang H; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định- Vắng mặt.

7. Ông Bành Quang L; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định- Vắng mặt.

8. Chị Bành Thị Họa M; cư trú tại: tỉnh Lâm Đồng- Vắng mặt.

9. Chị Bùi Thị Kim G; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định- Có mặt.

**** Người kháng cáo:*** Bị đơn bà Trần Thị P

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Anh Lê Văn A đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Nguồn gốc nhà, đất thuộc thửa số 561, tờ bản đồ số 13, diện tích 848 m^2 (*Theo bản đồ VN 2000 được đo đạc, chỉnh lý thành thửa đất số 246, tờ bản đồ số 22, diện tích 924,0m^2*) tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định trước giải phóng là của ông Trần T. Sau năm 1975, ông T bỏ đi khỏi địa phương nên bà Bành Thị Ngọc L1 (*mẹ nuôi chị Trần Thị P*) và bà Bành Thị L2 xin chính quyền địa phương một phần đất của ông T và được chấp nhận. Bà L1 ở phía ngoài còn bà L2 ở phía trong, mỗi người được 10 mét, diện tích 300m^2. Việc bà L2 xin đất của chính quyền địa phương theo Đơn xin đất cất nhà ngày 04/9/1975, có xác nhận của chính quyền địa phương. Giấy tờ gốc do anh Dương Đức D con của bà L2 giữ. Năm 1976, bà Bành Thị L3 (*mẹ nuôi của chị Nguyễn Thị L*) xây nhà trên đất của bà L2, bà L1. Bà L3 không có con trai nên bà L1 xin ở chung nhà với bà L3 còn bà L2 có con trai nên làm nhà ở riêng (*bà L2 sau này đổi tên là Bành Thị Lan. Bà Lan đã chết nhưng có con trai là anh Dương Đức D hiện ở tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định*).

Ngôi nhà mà bà Bành Thị L3 xây trên đất của bà L2 là tiền của bà L3, còn bà L1 đi hoạt động cách mạng nên không có tiền. Anh em họ hàng đóng góp công giúp bà L3 xây nhà.

Năm 1979, bà Bành Thị L1 xin chị Trần Thị P về nuôi. Năm 1984, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L, vợ chồng anh cùng sinh sống với bà L3 và bà L1 tại nhà, đất nói trên.

Năm 1985, bà L3 chết. Năm 1986, vợ chồng anh xin đất làm nhà ở riêng nên chỉ còn bà L1 và chị P ở tại ngôi nhà này. Năm 1989, ông Bành Quang L (*em ruột bà L1, bà L3*) nghỉ hưu cũng về ở tại nhà, đất của bà L3. Năm 1995, ông L chết. Năm 1996, chị P lập gia đình và về ở quê chồng tại thôn Q, xã H, huyện H nên con gái anh là cháu Lê Thị Mỹ X đến ở với bà L1. Năm 2009, bà L1 chết. Bà L3, bà L1 và ông L đều được thờ cúng tại ngôi nhà này.

Sau khi bà L1 chết, họ tộc giao nhà, đất nói trên cho anh Dương Đức D trông coi quản lý và lo hương khói hàng ngày.

Năm 2014, một phần nhà, đất nói trên bị giải tỏa để làm đường tránh Quốc lộ 1A, diện tích giải tỏa bao nhiêu anh không biết, số tiền đền bù là 420.000.000 đồng do chị P nhận.

Cuối năm 2016 đầu năm 2017, vợ chồng chị P dùng tiền đền bù để xây dựng nhà mới trên phần đất còn lại và chỉ thờ cúng bà L1.

Năm 2017, chị P chuyển nhượng 1/2 diện tích đất còn lại cho vợ chồng ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G, diện tích và số tiền chuyển nhượng bao nhiêu anh không biết.

Quá trình quản lý, sử dụng nhà đất nói trên, bà L1 đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo Nghị định 64 của Chính phủ vào năm 1993 và được Ủy ban nhân dân (*UBND*) huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*GCNQSDD*) đứng tên bà L1 là không đúng theo quy định của pháp luật vì UBND huyện H không xác minh làm rõ nguồn gốc nhà, đất. Sau khi bà L1 chết, chị P giữ GCNQSDĐ đứng tên bà L1 và âm thầm sang tên cho chị P không ai trong họ tộc hay biết.

Chị Nguyễn Thị L yêu cầu hủy GCNQSDD số 00718 QSDĐ/A2 ngày 02.8.1997 do UBND huyện H cấp cho bà Bành Thị Ngọc L1 và GCNQSDD số CH 00426 ngày 14/9/2011 do UBND huyện H cấp cho chị Trần Thị P; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị P với vợ chồng ông T bà G; Hủy GCNQSDD do UBND huyện H cấp cho vợ chồng ông T bà G; Yêu cầu chia đôi tài sản bao gồm nhà, đất thuộc thửa đất 561, tờ bản đồ số 13, tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (*trong đó có một phần nhà, đất đã bị giải tỏa năm 2014, chị P nhận tiền đền bù 420.000.000 đồng*), yêu cầu được nhận hiện vật để thờ cúng bà Bành Thị L3, bà Bành Thị L1 và ông Bành Quang L.

**** Chị Trần Thị P trình bày:***

Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L vì nguồn gốc nhà, đất thuộc thửa đất số 561, tờ bản đồ số 13, diện tích 848m^2 (*theo bản đồ VN 2000 được đo đạc, chỉnh lý thành thửa đất số 246, tờ bản đồ số 22, diện tích 924,0m^2*), thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định hiện vợ chồng chị đang quản lý, sử dụng là trước đây là của Nhà nước. Sau năm 1975, mẹ nuôi chị là bà Bành Thị Ngọc L1 xin chính quyền địa phương thửa đất trên để làm nhà và được địa phương đồng ý. Bà L1 là người bỏ tiền xây dựng nhà để ở vào năm 1979. Việc bà L1 có làm đơn xin đất hay không chị không biết vì lúc đó chị còn nhỏ.

Bà Bành Thị L3 và chị Nguyễn Thị L ở chung với ông bà ngoại tại ngôi nhà bên kia sông cũng thuộc thôn G, xã H, huyện H (*thường gọi là T*).

Bà L3 chết năm 1985. Sau khi mãn tang bà L3, bà L1 xin phép ông Bành Quang D (*em ruột bà L3 và bà L1*) cho bà L1 rước ảnh bà L3 về thờ cúng đến hết đời của bà L1 nên sau khi bà L1 chết thì vợ chồng chị Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm thờ cúng bà L3.

Năm 1989, ông Bành Quang L nghỉ hưu cũng về ở chung với bà L1 tại nhà, đất của bà L1 cho đến năm 1993 thì ông L chết.

Năm 1993, bà L1 là người đăng ký kê khai quyền sử dụng thửa đất số 561, tờ bản đồ số 13, diện tích 848m^2 , thôn G, xã H, huyện H theo Nghị định 64/CP của Chính phủ và được UBND huyện H cấp GCNQSDD cho hộ bà L1. Tại thời điểm đăng ký kê khai, hộ bà L1 có 02 nhân khẩu là bà L1 và chị.

Năm 1995, chị kết hôn và sinh sống ở quê chồng tại thôn Q, xã H nên con gái chị Lê là cháu Lê Thị Mỹ X đến ở cùng bà L1.

Năm 2009, bà Lễu chết, không để lại di chúc. Mặc dù ở nơi khác nhưng chị là người lo hương khói hàng ngày cho bà L1 còn anh Dương Đức D (con của bà Bành Thị Lan) ở gần nhà nên chị nhờ anh D trông coi hộ.

Ngày 27/5/2011, chị lập Văn bản nhận tài sản thừa kế của bà Bành Thị L1 trong đó có thửa 561, tờ bản đồ số 13, diện tích 848m^2, thôn G, xã H, huyện H được UBND xã H chứng thực ngày 05/9/2011. Ngày 14/9/2011, UBND huyện H cấp GCNQSDD số CH00426 cho chị.

Năm 2014, Nhà nước thu hồi một phần đất và ngôi nhà của chị bị giải tỏa để làm đường tránh Quốc lộ 1A với diện tích 425,4m^2 đất trồng cây lâu năm và đền bù số tiền 420.000.000 đồng do chị trực tiếp nhận.

Ngày 09/01/2017, chị chuyển nhượng 202,25m^2 đất (*trong đó 100m^2 đất ở và 102,25m^2 đất vườn*) thuộc một phần thửa đất 561, tờ bản đồ số 13 cho vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị G. Việc chuyển nhượng được lập thành văn bản và được Văn phòng Công chứng H công chứng, chứng thực. Hiện nay vợ chồng ông T bà G đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ.

Chị không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê vì: Nhà, đất nói trên là của mẹ chị đã được UBND huyện H đã cấp GCNQSDĐ cho mẹ chị, chị là người thừa kế duy nhất. Chị Lê được hưởng di sản của bà L3 là nhà, đất của ông bà ngoại để lại.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân huyện H do ông Nguyễn Đức Đạm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo hồ sơ địa chính năm 1984, thửa đất chị Nguyễn Thị L tranh chấp thể hiện là thửa số 680, tờ bản đồ số 24, diện tích 752m^2, loại đất: T (*đất thổ cư*), xã H (theo trích lục bản đồ thể hiện đất màu, ký hiệu: ĐM), tên chủ sử dụng đất: Bà Bành Thị Ngọc L1 (*theo sổ mục kê ruộng đất*).

Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Thửa số 680, tờ bản đồ số 24, diện tích 752 m^2 được đo đạc chỉnh lý thành thành thửa 561, tờ bản đồ số 13, diện tích 848 m^2. Ngày 01/4/1996, bà L1 có đơn đăng ký quyền sử dụng đất trong đó có thửa 561, tờ bản đồ số 13, diện tích 848m^2 (*trong đó 200m^2 đất ở và 648m^2 đất vườn*), xã H.

Theo Bản đồ VN 2000: thửa số 561, tờ bản đồ số 13 (bản đồ năm 1997), diện tích 848 m^2 được đo đạc, chỉnh lý thành thửa đất số 246, tờ bản đồ số 22, diện tích 924 m^2 chưa được cấp đổi GCNQSDĐ (*theo sổ mục kê đất*).

Ngày 10/4/2009, bà Bành Thị Ngọc L1 chết. Ngày 27/5/2011, chị Trần Thị P lập Văn bản nhận tài sản thừa kế của bà L1 trong đó có thửa số 561, tờ bản đồ số 13 được UBND xã H chứng thực ngày 05/9/2011. Ngày 14/9/2011 UBND huyện H cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN CH00426 tại thửa đất số 561, tờ bản đồ số 13, diện tích 848 m^2, xã H cho chị Trần Thị P.

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn km 1125 - km 1153 huyện H, tỉnh Bình Định, thửa đất số 561, tờ bản đồ số 13 (*bản đồ năm 1997*), bản đồ VN-2000 là thửa 246, tờ bản đồ số 22, xã H bị ảnh hưởng một phần do giải phóng mặt bằng. Ngày 06/6/2014, UBND huyện H ban hành Quyết định số 3076/QĐ-UB thu hồi 425,4 m^2 đất trồng cây lâu năm của hộ chị P tại thửa 246 tờ bản đồ số 22, xã H. Ngày 28/01/2016, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại thửa đất nói trên cho chị P.

Ngày 09/01/2017 chị Trần Thị P lập Hợp đồng chuyển nhượng 202,25 m^2 đất (*trong đó có 100 m^2 đất ở, 102,25 m^2 đất vườn*) thuộc một phần thửa đất số 561 tờ bản đồ số 13 (*bản đồ năm 1997*) xã H cho vợ chồng ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G, được Văn phòng Công chứng huyện H công chứng, chứng thực. Ngày 20/02/2017 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H đãng ký biến động quyền sử dụng đất cho chị P.

Ngày 10/01/2017, ông Nguyễn T có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất. Ngày 08/3/2017, Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Định cấp GCNQSDĐ, số vào sổ CS01545 tại thửa đất số 810, tờ bản đồ số 22 (*bản đồ VN - 2000*), diện tích 202,25 m^2 (*trong đó có 100 m^2 đất ở, 102,25 m^2 đất vườn*), xã H cho ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G.

Nay chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDD mà UBNp huyện H đã cấp cho chị Trần Thị P tại thửa đất số 561, tờ bản đồ số 13 (bản đồ năm 1997), UBND huyện H đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G trình bày:

Ngày 09/01/2017 chị Trần Thị P lập Hợp đồng chuyển nhượng 202,25 m^2 đất (*trong đó có 100 m^2 đất ở, 102,25 m^2 đất vườn*) thuộc một phần thửa đất số

561, tờ bản đồ số 13 (*bản đồ năm 1997*) xã H cho vợ chồng ông bà; Hợp đồng đã được Văn phòng Công chứng huyện H công chứng, chứng thực. Ngày 10/01/2017, ông bà có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất. Ngày 08/3/2017 Sở T nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp GCNQSDĐ, số vào sổ CS01545 tại thửa đất số 810, tờ bản đồ số 22 (*bản đồ VN - 2000*), diện tích 202,25m^2 (*trong đó có 100 m^2 đất ở, 102,25 m^2 đất vườn*), xã H cho vợ chồng ông bà nên ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Trần Thị P với vợ chồng ông bà và hủy GCNQSDĐ mà Sở T nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định đã cấp cho ông bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 34, Điều 37 BLTTDS, Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 219; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Buộc chị Trần Thị P phải giao cho chị Nguyễn Thị L số tiền 122.962.719 đồng (*một trăm hai mươi hai triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm mười chín đồng*)

2. Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị L đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00718 QSDĐ/A2 ngày 02/8/1997 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Bành Thị Ngọc L1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00426 ngày 14/9/2011 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho chị Trần Thị P; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Trần Thị P với vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị G; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị G.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2020, chị Trần Thị P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về phần buộc bà phải giao cho chị Nguyễn Thị L số tiền 122.962.719 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Trần Thị P không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu hủy GCNQSDD số 00718 QSDĐ/A2 ngày 02-8-1997 do UBND huyện H cấp cho bà Bành Thị Ngọc L1 và GCNQSDD số CH00426 ngày 14/9/2011 do UBND huyện H cấp cho chị Trần Thị P; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/01/2017 giữa chị P với vợ chồng ông T bà G; Hủy GCNQSDD do UBND huyện H cấp cho vợ chồng ông T bà G số CS 01545 ngày 08/3/2017; Yêu cầu chia đôi tài sản là nhà, vật kiến trúc, cây cối trên đất và đất thuộc thửa đất 561, tờ bản đồ số 13, tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về yêu cầu chia tài sản chung và bác các yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và về hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các yêu cầu về hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và về hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, không bị kháng nghị và các đương sự trong vụ án không có kháng cáo. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của chị Trần Thị P về phần Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản trên đất là tài sản thuộc sỡ hữu chung của bà Bành Thị L3 và bà Bành Thị L1; từ đó, buộc bà phải giao cho chị Nguyễn Thị L số tiền 122.962.719 đồng là không đúng, không khách quan:

[2.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L cho rằng nhà và cây cối, hoa màu trên thửa đất 561, tờ bản đồ số 13, tại thôn G là do mẹ chị là bà Bành Thị L3 tạo lập, bỏ tiền ra xây dựng; bị đơn chị Trần Thị P thì cho rằng nhà, vật kiến trúc và cây cối trên đất tranh chấp là do mẹ là bà Bành Thị L1 tạo lập, xây dựng. Tuy nhiên, chị Lê và chị P đều không có tài liệu chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên không có cơ sở để tin cậy.

Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận sau khi xây dựng nhà trên diện tích đất tranh chấp thi bà L3 và bà L1 ở chung với nhau cho đến khi bà L3 và bà L1 chết; sau khi bà L3 chết thì bà L1 là người thờ cúng bà L3 tại ngôi nhà này; ông Bành Quang L là em ruột của bà L3 và bà L1 sau khi nghỉ hưu cũng về ở tại ngôi nhà này cho đến khi chết; tại biên bản họp gia đình ngày 18/03/2011 và biên bản làm việc tại UBND xã H các đương sự, trong đó có bà P đều thống nhất sửa chữa và sử dụng ngôi nhà làm nơi thờ tự bà L3, bà L1, ông L; quá trình tố tụng và phiên tòa sơ thẩm: Bà S, bà G, ông H, các nhân chứng và các em ruột của bà L3, bà L1 đều cho rằng ngôi nhà là tài sản chung của bà L3, bà L1 và bà P cũng đã thừa nhận quá trình sử dụng cho đến nay, ngôi nhà đã được các anh em, con cháu đóng góp sửa chữa nhiều lần nên có cơ sở để xác định rằng nhà thuộc sở hữu chung của bà L3 và bà L1. Đối với cây cối trên đất: Chị P khai chị không biết cây cối trên đất do ai trồng. Vì vậy, trên cơ sở tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp và thu thập, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định nhà, vật kiến trúc và cây cối trên đất là tài sản chung của bà L3 và bà L1 là có căn cứ.

[2.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu chia đôi tài sản trên đất; Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tài sản trên thửa đất tranh chấp là tài sản chung của bà L3 và bà L1 nhưng chỉ căn cứ vào tài sản nằm trên diện tích đất thu hồi 425,4 m^2 theo P án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 để buộc chị Trần Thị P phải giao cho bà Nguyễn Thị L số tiền 122.962.719 đồng; nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng không kháng cáo là đã có lợi cho chị Trần Thị P.

[2.3] Từ nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị P. Do không chấp nhận kháng cáo nên chị Trần Thị P phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc chị Trần Thị P trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 122.962.719 đồng về giá trị chia tài sản chung của bà L3 và bà L1 trên thửa đất 561, tờ bản đồ số 13, tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định nhưng không giao quyền sở hữu, sử dụng nhà, vật kiến trúc và cây cối trên đất là chưa rõ ràng và đầy đủ nên cấp phúc thẩm bổ sung cho rõ.

[4] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị P; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Căn cứ Điều 219; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Buộc chị Trần Thị P phải giao cho chị Nguyễn Thị L giá trị tài sản chung, số tiền 122.962.719 đồng (*một trăm hai mươi hai triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm mười chín đồng*).

Chị Nguyễn Thị L được quyền sở hữu, sử dụng nhà, vật kiến trúc và cây cối trên thửa đất số 561, tờ bản đồ số 13, tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của sô tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00718 QSDĐ/A2 ngày 02/8/1997 do Uỷ ban nhân dân huyện H cấp cho bà Bành Thị Ngọc L1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00426 ngày 14/9/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện H cấp cho chị Trần Thị P; về hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Trần Thị P với vợ chồng

ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị G; về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân huyện H cấp cho vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị G.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị P phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 03835 ngày 19/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, quyền nghĩa vụ thi hành án và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Phước Thanh